

Số: 1244 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm,
dịch vụ trên môi trường số tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2026 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 4214/QĐ-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số;

Căn cứ các Kế hoạch của UBND tỉnh: Số 101/KH-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2025 về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; số 203/KH-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số nhiệm vụ tại Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 474/TTr-SCT ngày 10 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lưu: VT, CNXDKH, KTTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

CHƯƠNG TRÌNH
Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ
trên môi trường số tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 1244 /QĐ-UBND ngày 23 / 4 /2026 của UBND tỉnh)

I. QUAN ĐIỂM

1. Tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số là đòn bẩy chiến lược, là phương thức để tạo đột phá, hiện thực hóa các mục tiêu phát triển kinh tế số và xã hội số bền vững trên quy mô toàn tỉnh.

2. Lấy niềm tin số làm nền tảng; mọi hoạt động tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số phải đảm bảo an toàn, minh bạch, tiện lợi và tuân thủ quy định của pháp luật, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

3. Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, làm chủ thể; mọi hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số phải hướng đến lợi ích và trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp. Phát huy hiệu quả mô hình hợp tác giữa 03 chủ thể: **Nhà nước** (chủ thể kiến tạo cơ chế, thiết lập tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật) - **Doanh nghiệp** (chủ thể đổi mới sáng tạo, cung cấp sản phẩm, dịch vụ chất lượng trên môi trường số) và **Người dân** (chủ thể tích cực tham gia tiêu dùng, phản hồi để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số).

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

- Xây dựng môi trường tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số trên địa bàn tỉnh an toàn - minh bạch - thuận tiện, dựa trên ứng dụng công nghệ số; tuân thủ, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Nâng cao năng lực, củng cố niềm tin số của người dân và doanh nghiệp; hỗ trợ phát triển, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, nhất là tiêu thụ sản phẩm chủ lực, sản phẩm gắn với chương trình OCOP, đặc sản địa phương, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên môi trường số; tạo động lực tăng trưởng kinh tế số bền vững, gắn với phát triển xã hội số bao trùm.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu năm 2026

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 95%.

- Tối thiểu 45% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù cấp tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

- Tối thiểu 35% các sản phẩm sử dụng mã số, mã vạch được định danh, tra cứu trên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia hoặc tỉnh phục vụ truy xuất nguồn gốc.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 40%.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 99%.

- Tối thiểu 60% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù cấp tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

- Tối thiểu 70% các sản phẩm sử dụng mã số, mã vạch được định danh, tra cứu trên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia phục vụ truy xuất nguồn gốc.

- Nâng cấp trung tâm dữ liệu tỉnh đạt chuẩn điện toán đám mây (cloud) đạt 100%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt từ 40% trở lên.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Thúc đẩy đưa sản phẩm, dịch vụ lên môi trường số

- Rà soát, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm trải nghiệm người dùng. Hỗ trợ, đôn đốc các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường triển khai vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan.

- Triển khai Khung kiến trúc số của tỉnh Thanh Hóa phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ lên môi trường số bảo đảm tiến độ, chất lượng.

- Triển khai kịp thời danh mục các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng và của tỉnh.

- Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam.

- Triển khai Chương trình hỗ trợ các cửa hàng bán lẻ trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số theo kế hoạch của Vụ Kinh tế và Xã hội số, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, cửa hàng, hộ kinh doanh bán buôn, bán lẻ đánh giá mức độ chuyển đổi số, sử dụng các nền tảng số phù hợp để quản lý bán hàng hiệu quả, cung cấp đa dạng sản phẩm, dịch vụ, mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng, phát triển thương mại điện tử trên môi trường số.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong kinh doanh, mua bán; tuyên truyền, khuyến khích người dân, doanh nghiệp, tổ chức liên quan sử dụng các dịch vụ mua bán, trao đổi thanh toán điện tử không dùng tiền mặt để thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số.

2. Trang bị kỹ năng số cho người dân

- Tổ chức triển khai “Ngày hội toàn dân học tập số” vào ngày 10/10 hằng năm (Ngày Chuyển đổi số quốc gia); trong đó, kết hợp giữa các hoạt động trực tuyến và trực tiếp tại các xã, phường như tổ chức các hội thảo, tọa đàm và hội nghị; trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng.

- Cập nhật nội dung, thúc đẩy tổ chức chương trình bồi dưỡng của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xã, phường nhằm bồi dưỡng kỹ năng số cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản để tiếp cận thông tin, sử dụng tiện ích, giao dịch an toàn trên môi trường số.

- Hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đăng ký và sử dụng tên miền quốc gia “.vn” thông qua hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Tổ chức các hội thảo, tập huấn nâng cao kiến thức quản lý hoạt động truy xuất nguồn gốc cho cán bộ, công chức, viên chức các xã, phường.

- Đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn các doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu thực hiện truy xuất nguồn gốc.

- Góp ý xây dựng bộ tài liệu chuẩn về quy trình truy xuất nguồn gốc cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ sản xuất, cung cấp miễn phí trên nền tảng số.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng thương mại điện tử cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh, thanh niên khởi nghiệp và sinh viên về thương mại điện tử nhằm nâng cao trình độ tiếp cận, tham gia và khai thác các ứng dụng thương mại điện tử, tăng cường khả năng nhận biết và ứng phó của người tiêu dùng với những hành vi tiêu cực trong thương mại điện tử; đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử xuyên biên giới hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực; mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh áp dụng các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (VietGAP, VietGAHP, GMP, HACCP, ISO 22000...); áp dụng hệ thống quản lý, giám sát truy xuất nguồn gốc nông sản, thực phẩm, sử dụng mã QR trong quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc; ứng dụng chuyển đổi số, đưa sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử nhằm quảng bá, kết nối và tiêu thụ nông sản thực phẩm an toàn; quy trình đóng gói - kết nối - giao nhận trong quá trình kết nối mua bán trên các sàn thương mại điện tử.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế theo quy định; phổ biến thông tin về chế độ ưu đãi thuế và các quy định liên quan đến thông quan hàng hóa.

- Tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử về quy trình khai báo hải quan, chế độ ưu đãi thuế và các quy định liên quan đến thông quan hàng hóa.

3. Cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số

- Thúc đẩy phát triển mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn tỉnh, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo quy định tại Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 - 2030.

- Triển khai hiệu quả chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn” ở trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 11/3/2026 của UBND tỉnh.

- Chuyển đổi IPv6 only cho các dịch vụ Cloud, trung tâm dữ liệu của tỉnh và các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai công cụ tra cứu trực tuyến thông tin sở hữu công nghiệp; hỗ trợ khai thác thông tin sở hữu công nghiệp phục vụ hoạt động đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp và nghiên cứu khoa học do Bộ Khoa học và Công nghệ phát triển.

- Tập trung phát triển hệ thống thanh toán hiện đại an toàn, linh hoạt; tiếp tục hoàn thiện, tăng cường kết nối, tích hợp hạ tầng thanh toán không dùng tiền mặt với hạ tầng của các đơn vị chấp nhận thanh toán trong thương mại điện tử; khuyến khích chuyển đổi từ thanh toán tiền mặt sang các loại hình thanh toán không dùng tiền mặt trong hoạt động thương mại điện tử.

4. Tạo lập niềm tin số cho người dân

- Góp ý xây dựng quy định về quản lý, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), trong đó bao gồm các quy định về khung đạo đức AI, trách nhiệm pháp lý khi AI gây thiệt hại, cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình huấn luyện AI, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát cho các ứng dụng AI có rủi ro cao và các vấn đề liên quan.

- Triển khai áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng trải nghiệm của người dùng dịch vụ công trực tuyến.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng thiết kế xây dựng các ứng dụng chữ ký số đơn giản, dễ sử dụng, giảm chi phí.

- Truyền thông nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; tổ chức các chiến dịch truyền thông về phổ cập chữ ký số cho người dân; tập trung triển khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, các nền tảng số quốc gia, nền tảng số lớn và các nền tảng mạng xã hội.

- Ứng dụng phát triển công nghệ (Blockchain, IoT, AI, Big data và các công nghệ phù hợp với xu hướng phát triển của quốc gia) trong hệ sinh thái truy xuất nguồn gốc. Ưu tiên thí điểm ứng dụng Blockchain trong ngành nông nghiệp, thực phẩm; AI trong phát hiện gian lận dữ liệu truy xuất; IoT trong thu thập dữ liệu vùng trồng, vùng nuôi.

- Triển khai danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ICT phục vụ

phát triển đô thị thông minh.

- Thực hiện các chương trình, hoạt động phổ biến, tuyên truyền về quyền lợi và trách nhiệm khi tham gia thương mại điện tử; thường xuyên đăng tải tin bài, khuyến cáo, cảnh báo các doanh nghiệp, người tiêu dùng về các sản phẩm, hàng hóa giả, hàng nhái, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, các hành vi vi phạm pháp luật trong thương mại điện tử; đa dạng hóa các phương thức quảng bá để mở rộng đối tượng khách hàng tham gia các hoạt động giao thương trên môi trường thương mại điện tử.

- Tăng cường công tác phòng ngừa, xử lý hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản sử dụng công nghệ cao, trên không gian mạng. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến phương thức, thủ đoạn lừa đảo mới, hướng dẫn nhân dân cách thức nhận diện, kỹ năng phòng ngừa lừa đảo sử dụng công nghệ cao, trên không gian mạng; chỉ đạo lực lượng công an cơ sở tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp xây dựng, nhân rộng các mô hình phòng, chống tội phạm hiệu quả, trong đó có tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (chỉ thường xuyên phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của pháp luật); lồng ghép trong các chương trình, đề án đã được phê duyệt và các nguồn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện Chương trình này đảm bảo hiệu quả, đúng quy định; đồng thời, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục kèm theo; tổng hợp báo cáo cấp thẩm quyền kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Tài chính: Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách theo phân cấp hiện hành, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chương trình đảm bảo theo quy định. Các nhiệm vụ được xác định trong kế hoạch chỉ được triển khai thực hiện khi được bố trí vốn.

3. Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp công nghệ số, viễn thông trên địa bàn tỉnh: Theo chức năng, nhiệm vụ, phân công, phân cấp quản lý, chủ động triển khai thực hiện và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Chương trình này; thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị, địa phương có văn bản phản ánh, đề xuất, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND chỉ đạo, giải quyết kịp thời./.

PHỤ LỤC 01
Danh mục các chỉ tiêu thực hiện
(Kèm theo Quyết định số 1244 /QĐ-UBND ngày 23 / 4 /2026 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá	Kỳ báo cáo
I	Năm 2026				
1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	%	≥95	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Năm 2026
2	Tỷ lệ các sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù cấp tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ	%	≥45	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2026
3	Tỷ lệ các sản phẩm sử dụng mã số, mã vạch được định danh, tra cứu trên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia hoặc tỉnh phục vụ truy xuất nguồn gốc	%	≥35	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	%	40	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026
II	Đến năm 2030				
1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	%	99	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hằng năm
2	Tỷ lệ các sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù cấp tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ	%	≥60	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hằng năm
3	Tỷ lệ các sản phẩm sử dụng mã số, mã vạch được định danh, tra cứu trên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia hoặc tỉnh phục vụ truy xuất nguồn gốc	%	≥70	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm
4	Tỷ lệ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện toán đám mây (cloud), nội dung trực tuyến được triển khai giao thức IPv6 Only	%	100		Hằng năm
5	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	%	≥40		Hằng năm

PHỤ LỤC 2
Danh mục các nhiệm vụ và giải pháp triển khai chương trình thúc đẩy
tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số
(Kèm theo Quyết định số 1244 /QĐ-UBND ngày 23 / 4 /2026 của UBND tỉnh Thanh Hoá)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
I	Thúc đẩy đưa sản phẩm, dịch vụ lên môi trường số			
1	Hỗ trợ, đôn đốc các sở, ngành, UBND các xã, phường triển khai vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Hoàn thành triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo yêu cầu.	Hàng năm
2	Triển khai Khung kiến trúc số của tỉnh Thanh Hóa phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ lên môi trường số bảo đảm tiến độ, chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Khung kiến trúc số của tỉnh Thanh Hoá được triển khai	Tổ chức triển khai hằng năm
3	Triển khai kịp thời danh mục các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng và của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng và của tỉnh được cập nhật.	Cập nhật theo nhu cầu thực tế
4	Triển khai Chương trình hỗ trợ các cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số theo kế hoạch của Vụ Kinh tế và Xã hội số (Bộ Khoa học và Công nghệ) và các bộ, ngành liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành liên quan	Chương trình hỗ trợ các cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số được triển khai.	Hàng năm
II	Trang bị kỹ năng số cho người dân			
1	Triển khai “Ngày hội toàn dân học tập số” vào ngày 10/10 hằng năm (Ngày Chuyển đổi số quốc gia). Trong đó, kết hợp giữa các hoạt động trực tuyến và trực tiếp tại tỉnh như tổ chức các hội thảo, tọa đàm và hội nghị; trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Ngày hội toàn dân học tập số được triển khai.	Hàng năm
2	Cập nhật nội dung, thúc đẩy tổ chức chương trình bồi dưỡng của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xã, phường nhằm bồi dưỡng kỹ năng số cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản để tiếp cận thông tin, sử dụng tiện ích, giao dịch an toàn trên môi trường số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cập nhật nội dung, thúc đẩy tổ chức chương trình bồi dưỡng Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương.	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
3	Hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đăng ký và sử dụng tên miền quốc gia “.vn” thông qua hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Xây dựng tài liệu, thông tin hướng dẫn cho Tổ công nghệ số cộng đồng.	Năm 2026
4	Tổ chức các hội thảo, tập huấn nâng cao kiến thức quản lý hoạt động truy xuất nguồn gốc cho các xã, phường.	Sở Khoa học và Công nghệ	Hội thảo, tập huấn được tổ chức.	Hàng năm
5	Đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn các doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu thực hiện truy xuất nguồn gốc.	Sở Khoa học và Công nghệ	Chương trình đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn được tổ chức.	Hàng năm
6	Góp ý xây dựng bộ tài liệu chuẩn về quy trình truy xuất nguồn gốc cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ sản xuất, cung cấp miễn phí trên nền tảng số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản tham gia góp ý.	Theo đề nghị của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
7	Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng thương mại điện tử cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh, thanh niên khởi nghiệp và sinh viên về thương mại điện tử nhằm nâng cao trình độ tiếp cận, tham gia và khai thác các ứng dụng thương mại điện tử, tăng cường khả năng nhận biết và ứng phó của người tiêu dùng với những hành vi tiêu cực trong thương mại điện tử; đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử xuyên biên giới hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực; mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.	Sở Công Thương	Lớp tập huấn	Thường xuyên
8	Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh áp dụng các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (VietGAP, VietGAHP, GMP, HACCP, ISO 22000...); áp dụng hệ thống quản lý, giám sát truy xuất nguồn gốc nông sản, thực phẩm, sử dụng mã QR trong quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc; ứng dụng chuyển đổi số, đưa sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử nhằm quảng bá, kết nối và tiêu thụ nông sản thực phẩm an toàn; quy trình đóng gói - kết nối - giao nhận trong quá trình kết nối mua bán trên các sàn thương mại điện tử.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lớp tập huấn	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
9	Đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế theo quy định; phổ biến thông tin về chế độ ưu đãi thuế và các quy định liên quan đến thông quan hàng hóa.	Thuế tỉnh Thanh Hoá	Thông tin, tuyên truyền	Thường xuyên
10	Tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử về quy trình khai báo hải quan, chế độ ưu đãi thuế và các quy định liên quan đến thông quan hàng hóa	Chi cục Hải quan khu vực X	Thông tin, tuyên truyền	Thường xuyên
III	Cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số			
1	Thúc đẩy phát triển mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn tỉnh, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo quy định tại Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 - 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 - 2030.	Triển khai theo Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 - 2030.
2	Triển khai hiệu quả chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn” ở tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Triển khai đầy đủ mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.	Hằng năm
3	Chuyển đổi IPv6 only cho các dịch vụ Cloud, trung tâm dữ liệu của tỉnh và các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	100% số trung tâm dữ liệu, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cloud, nội dung trực tuyến triển khai IPv6 only; dịch vụ IPv6 được cung cấp mặc định cho mạng, dịch vụ.	Năm 2030
4	Triển khai công cụ tra cứu trực tuyến thông tin sở hữu công nghiệp; hỗ trợ khai thác thông tin sở hữu công nghiệp phục vụ hoạt động đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp và nghiên cứu khoa học do Bộ Khoa học và Công nghệ phát triển.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cập nhật Bộ công cụ theo yêu cầu.	Hằng năm
5	Tập trung phát triển hệ thống thanh toán hiện đại an toàn, linh hoạt; tiếp tục hoàn thiện, tăng cường kết nối, tích hợp hạ tầng thanh toán không dùng tiền mặt với hạ tầng của các đơn vị chấp	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 7	Phát triển hệ thống thanh toán; hoàn thiện, tăng cường kết nối, tích hợp hạ tầng thanh toán không dùng tiền mặt	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
	nhận thanh toán trong thương mại điện tử; khuyến khích chuyển đổi từ thanh toán tiền mặt sang các loại hình thanh toán không dùng tiền mặt trong hoạt động thương mại điện tử.		với hạ tầng của các đơn vị chấp nhận thanh toán trong thương mại điện tử	
IV	Tạo lập niềm tin số cho người dân			
1	Góp ý xây dựng quy định về quản lý, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), trong đó bao gồm các quy định về khung đạo đức AI, trách nhiệm pháp lý khi AI gây thiệt hại, cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình huấn luyện AI, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát cho các ứng dụng AI có rủi ro cao và các vấn đề liên quan.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản góp ý xây dựng quy định.	Theo đề nghị của Viện Công nghệ số và Chuyển đổi số quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ)
2	Triển khai áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng trải nghiệm của người dùng dịch vụ công trực tuyến.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn quốc gia được triển khai.	Theo đề nghị, hướng dẫn của Cục Chuyển đổi số quốc gia
3	Thúc đẩy các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng thiết kế xây dựng các ứng dụng chữ ký số đơn giản, dễ sử dụng, giảm chi phí.	Sở Khoa học và Công nghệ	Đôn đốc, hướng dẫn thường xuyên các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng thiết kế xây dựng các ứng dụng chữ ký số đơn giản, dễ sử dụng, giảm chi phí.	Hàng năm
4	Tổ chức các chiến dịch truyền thông về phổ cập chữ ký số cho người dân. Tập trung triển khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, các nền tảng số quốc gia, nền tảng số lớn và các nền tảng mạng xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Chiến dịch truyền thông về phổ cập chữ ký số cho người dân được tổ chức.	Hàng năm
5	Ứng dụng phát triển công nghệ (Blockchain, IoT, AI, Big data và các công nghệ phù hợp với xu hướng phát triển của quốc gia) trong hệ sinh thái truy xuất nguồn gốc. Ưu tiên thí điểm ứng dụng Blockchain trong ngành nông nghiệp, thực phẩm; AI trong phát hiện gian lận dữ liệu truy xuất; IoT trong thu thập dữ liệu vùng trồng, vùng nuôi.	Sở Khoa học và Công nghệ	Đôn đốc, hướng dẫn triển khai ứng dụng phát triển công nghệ (Blockchain, IoT, AI, Big data và các công nghệ phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới) trong hệ sinh thái truy xuất nguồn gốc.	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành
6	Triển khai danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ICT phục vụ phát triển đô thị thông minh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các văn bản được ban hành.	Theo đề nghị, hướng dẫn của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
7	Thực hiện các chương trình, hoạt động phổ biến, tuyên truyền về quyền lợi và trách nhiệm khi tham gia thương mại điện tử; thường xuyên đăng tải tin bài, khuyến cáo, cảnh báo các doanh nghiệp, người tiêu dùng về các sản phẩm, hàng hóa giả, hàng nhái, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, các hành vi vi phạm pháp luật trong thương mại điện tử; đa dạng hóa các phương thức quảng bá để mở rộng đối tượng khách hàng tham gia các hoạt động giao thương trên môi trường thương mại điện tử.	Sở Công Thương	Thông tin, tuyên truyền	Thường xuyên
8	Tăng cường công tác phòng ngừa, xử lý hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản sử dụng công nghệ cao, trên không gian mạng. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến phương thức, thủ đoạn lừa đảo mới, hướng dẫn nhân dân cách thức nhận diện, kỹ năng phòng ngừa lừa đảo sử dụng công nghệ cao, trên không gian mạng; chỉ đạo lực lượng công an cơ sở tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp xây dựng, nhân rộng các mô hình phòng, chống tội phạm hiệu quả, trong đó có tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản.	Công an tỉnh		Thường xuyên